

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN**
Số /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thọ Xuân, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú,
huyện Thọ Xuân đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/7/2014; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021– 2022; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Các Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 về quy định hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 1021-TB/HU ngày 15/7/2022 của Văn phòng Huyện ủy về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương xây dựng quy hoạch chung các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân giai đoạn 2021 đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 26/UBND-TTGT ngày 07/3/2023 của UBND xã Quảng Phú về việc giải trình, tiếp thu ý kiến các Sở, ngành tại các Văn bản: Số 6504/SXD-QH ngày 31/8/2022 của Sở Xây dựng; Số 4082/SGTVT-KHTC ngày 29/8/2022 của Sở Giao thông Vận tải; Số 2564/SCT-KHTH ngày 29/8/2022 của Sở Công thương về nội dung đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Phú về việc Thông qua đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (kèm theo Văn bản thẩm định) và đề nghị của UBND xã Quảng Phú tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 07/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

I. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

1. Phạm vi ranh giới.

Vị trí khu vực nghiên cứu gồm toàn bộ diện tích xã Quảng Phú, thuộc địa giới hành chính huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới tiếp giáp của xã được xác định cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Thị trấn Thông Nhất, huyện Yên Định;

+ Phía Đông giáp xã Yên Phú, huyện Yên Định;

+ Phía Nam giáp xã Xuân Tín, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân;

+ Phía Tây giáp xã Lam Sơn huyện Ngọc Lặc.

2. Quy mô lập quy hoạch.

- Diện tích khoảng 1.713,15ha.

- Quy mô dân số hiện trạng: Khoảng 6.462người.

II. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

1. Mục tiêu.

Cụ thể hóa các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Thọ Xuân phê duyệt tại Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân giai đoạn 2021 đến năm 2030;

2. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo khu vực lập quy hoạch

- Tính chất: Quy hoạch xây dựng nông thôn

- Chức năng: Trên cơ sở các điều kiện về tự nhiên, hạ tầng kỹ thuật, không gian phát triển kinh tế, xã hội của khu vực; tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo của các xã được xác định theo Quy hoạch vùng huyện Thọ Xuân đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 được được UBND tỉnh phê duyệt như sau: Xã Quảng Phú thuộc tiểu vùng đồi thấp (Vùng trung du); Định hướng phát triển chủ yếu về tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp; cung cấp nông sản, nhân lực lao động cho vùng (khu công nghiệp, cụm công nghiệp).

- Kinh tế chủ đạo: Kinh tế chủ đạo của xã là phát triển nông nghiệp, trong giai đoạn tới sẽ chuyển dịch mạnh mẽ sang phát triển về các loại hình dịch vụ - thương mại, sản xuất kinh doanh. Nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng tập trung quy mô lớn, hình thành các vùng chuyên canh: lúa chất lượng cao, trang trại tổng hợp,... trên cơ sở áp dụng theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng tốt cho thị trường quanh khu vực. Khai thác tiềm năng lợi thế đất đai, giao thông, lao động, bố trí quỹ đất, thu hút đầu tư để xây dựng phát triển các khu thương mại dịch vụ và các khu tiểu thủ công nghiệp nhẹ như may mặc, giày da,...

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, quan tâm xây dựng phát triển kinh tế cùng với bảo vệ giữ gìn văn hóa truyền thống, bảo đảm an ninh quốc phòng.

III. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

1. Quy mô dân số, lao động.

1.1. Dự báo quy mô dân số.

+ Đến năm 2025: Khoảng 6.900 người;

+ Đến năm 2030: khoảng 7.400 người.

1.2. Lao động và cơ cấu nghề nghiệp.

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 64,3% dân số toàn xã trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm khoảng 35,5%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 64,5%, trong đó lao động qua đào tạo đạt 80%.

- Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 64,2% dân số toàn xã, trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm khoảng 30%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 70%, trong đó lao động qua đào tạo đạt 90%.

2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng.

2.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Nhu cầu đất xây dựng (không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện) khoảng 75-100 m²/người.

- Đất ở: ≥ 25 m²/người.

- Đất công trình công cộng và dịch vụ: ≥ 5 m²/người.

- Đất cây xanh công cộng: ≥ 2 m²/người.

- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: ≥ 5 m²/người.

2.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm.

- Về cấp nước tiêu chuẩn: 60 - 80 lít/người/ngày-đêm.

- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Về cấp điện: Tiêu chuẩn cấp điện: ≥ 150 W/người/ngày/đêm; Tỷ lệ đường trục chính được chiếu sáng công cộng $\geq 50\%$.

IV. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã.

1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã:

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ thuộc thôn 6 và thôn 9 nằm trên trục đường Xuân Hòa - Quảng Phú là trục chính quan trọng của xã, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Bưu điện, Trung tâm văn hóa TDTT xã, Trường học,...

2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm.

Các khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng, tuy nhiên cần phải chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2030 diện tích tăng thêm khoảng 22,76ha; Mật độ xây dựng $\leq 60\%$. Không không chế tầng cao và hệ số sử dụng đất. Dự kiến quy hoạch mới 20,6ha đất ở bao gồm các vị trí sau: Khu dân cư

Đồng Núc Thôn 5 (DCM 11) diện tích 2,0 ha; khu dân cư Đồng Chành Thôn 15 (DCM 10, DCM 09) diện tích 3,0 ha; khu dân cư Đồi Thù Y Thôn 17 (DCM 04; DCM 05; DCM 06; DCM 07; DCM 08) diện tích 7,0 ha; khu dân cư Đồng Mơ, Đồng Mường Thôn 9, Thôn 8 (DCM 01) diện tích 4,0 ha; khu dân cư tại vị trí Đồi Ông Khói thôn 10, thôn 13 (DCM 03) diện tích 3,3 ha; Khu dân cư Đồng Bãi thôn 13 (DCM11) diện tích 1,4ha; đất xen cư, chuyển đổi đất vườn tạp sang đất ở diện tích 2,06 ha.

3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.

- Công sở xã: Giữ nguyên vị trí và quy mô công sở Đảng ủy, HĐND – UBND, khu vực trung tâm văn hóa xã tại vị trí thôn 6 với diện tích 0.4ha. Quy hoạch mới sân vận động tại khu vực Gò Chè thôn 7 diện tích 1.7ha. Đảm bảo quy mô diện tích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của công chức cán bộ và tổ chức các sự kiện của địa phương đồng thời đáp ứng tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Trụ sở Công an: Chuyển một phần diện tích 0.12ha trường Mầm non khu chính cũ sang làm trụ sở công an xã Quảng Phú.

- Tượng đài liệt sỹ: Giữ nguyên vị trí và quy mô tại thôn 6 với diện tích hiện trạng là 0.05ha.

- Các công trình giáo dục:

- + Các Trường THCS, Tiểu học, đã đảm bảo diện tích và quy mô diện tích, do đó giữ nguyên vị trí chỉ cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất.

- + Trường mầm non: Trường mầm non khu chính xây dựng mới tại vị trí Đồng Thụng Kiệm thôn 7 với diện tích 0.5ha (chuyển trường mầm non khu chính sang làm trụ sở công an (DT0,12ha) và nhà thi đấu đa năng(DT0,14ha)); Trường mầm non khu lẻ có vị trí tại thôn 4 đã đảm bảo diện tích và quy mô diện tích, do đó giữ nguyên vị trí chỉ cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất.

- Trạm y tế xã: Giữ nguyên vị trí hiện nay tại thôn 7 quy mô sau khi cải tạo chỉnh trang là 4.812 m², đáp ứng đủ về quy mô diện tích đối với trạm y tế có vườn thuốc, bán kính phục vụ và cơ sở vật chất khám chữa bệnh.

- Công trình Bưu điện: Quy hoạch xây mới điểm bưu điện tại vị trí Đồng Mơ Thôn 6 với diện tích 400 m². Diện tích đất Bưu điện cũ chuyển sang đất mở rộng khuôn viên xã.

- Chợ: Hiện đáp ứng đủ tiêu chí NTM nâng cao, giữ nguyên vị trí và quy mô chợ Chủ Nhật có vị trí tại thôn 7 diện tích: 5.221m². Trong kỳ quy hoạch sẽ giữ

nguyên vị trí và quy mô như hiện trạng, đồng thời nâng cấp chợ về cơ sở hạ tầng, chất lượng vệ sinh môi trường.

- HTX: giữ nguyên vị trí tại thôn 7 với diện tích: 5.110m².

- Các khu vực sinh hoạt cộng đồng: Gồm các khu vực nhà văn hóa, khu thể thao thôn được bố trí trên địa bàn các thôn, yêu cầu về diện tích đảm bảo quy mô tối thiểu nhằm đạt tiêu chí NTM nâng cao cụ thể như sau:

- + Thôn 1: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 933m² và SVĐ thôn là 3.183m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH đồng thời mở rộng diện tích SVĐ đạt 4.730m².

- + Thôn 2: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 388m² và SVĐ thôn là 7.220m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH và SVĐ thôn như hiện trạng.

- + Thôn 3: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 650m² và SVĐ thôn là 3.195m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH và SVĐ thôn như hiện trạng.

- + Thôn 4: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 538m² và SVĐ thôn là 1.635m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH, chuyển đất SVĐ hiện trạng sang đất ở đồng thời quy hoạch mới SVĐ tại vị trí Đồi Các Cù với diện tích 6.000m².

- + Thôn 5: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 500m² và SVĐ thôn là 13.449m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH và SVĐ thôn như hiện trạng.

- + Thôn 6: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 400m² và SVĐ thôn là 1.700m², trong kỳ quy hoạch sẽ mở rộng diện tích NVH (khu Đuôi Bầu Thôn 6) đạt 500m² và mở rộng SVĐ Thôn đạt 4.200 m².

- + Thôn 7: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 740m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH đồng thời mở rộng SVĐ cũ sang phía đồng Thụng Kiệm làm SVĐ thôn với diện tích đạt 4.050m².

- + Thôn 8: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 518m² và SVĐ thôn là 2.845m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH và SVĐ thôn như hiện trạng.

- + Thôn 9: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 360m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH, mở rộng sân vận động về phía đồng Thụng bà Lân.

+ Thôn 10: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 362m² và SVĐ thôn là 2.500m², trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH đồng thời mở rộng SVĐ (DT mở thêm tại đồi Ống Khói) đạt diện tích 5.300m².

+ Thôn 11:Giữ nguyên vị trí quy mô NVH thôn là 378m² và nâng cấp mở rộng SVĐ thôn với tổng diện tích là 5.099m².

+ Thôn 13: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 200m² và SVĐ thôn là 2.892m², trong kỳ quy hoạch xây mới NVH thôn với diện tích 500m² tại vị trí Đồng Tường; SVĐ giữ nguyên vị trí đồng thời mở rộng diện tích đạt 4.050 m². Diện tích NVH cũ chuyển mục đích sang đất ở.

+ Thôn 14: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 627m² và SVĐ thôn là 1.625m², trong kỳ quy hoạch giữ nguyên vị trí và mở rộng NVH và SVĐ đạt 4050m²

+ Thôn 15: Hiện trạng chưa có nhà văn hóa, trong kỳ quy hoạch xây mới NVH với diện tích 500m². Hiện trạng SVĐ thôn là 1.287m², trong kỳ quy hoạch mở rộng SVĐ đạt quy mô: 4.050 m².

+ Thôn 17: Diện tích hiện trạng NVH thôn là 1.378m², chưa có SVĐ, trong kỳ quy hoạch sẽ giữ nguyên quy mô, vị trí NVH đồng thời quy hoạch mới SVĐ thôn tại vị trí Đồi Ông Thái với diện tích 6.400m².

- Khu cây xanh, cảnh quan, vui chơi, giải trí

Trong kỳ quy hoạch sẽ cải tạo Hồ Mọ (diện tích: 39,12ha) và Hồ Khu Mộc (diện tích: 6,48ha) thành Hồ sinh thái cảnh quan, tạo nơi vui chơi, giải trí cho người dân trong và ngoài xã.

5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất công nghiệp, TTCN tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

5.1. Khu sản xuất nông nghiệp

Hình thành các vùng trồng cây ăn quả, vùng trồng cây nguyên liệu, sản xuất lúa, vùng trang trại tập trung theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Định hướng đến năm 2030 hình thành các vùng sản xuất lớn, quy mô tập trung, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực bao gồm:

- Vùng cây ăn quả : Vùng 1 diện tích 42 ha tại thôn 4 và thôn 5; Vùng 2 diện tích 16 ha tại thôn 10, thôn 11 và thôn 13. Tổng diện tích 58 ha.

-Vùng cá - lúa: Vùng 1 diện tích 16 ha tại Hồ Ông Bằng thôn 5; Vùng 2: diện tích 19 ha tại Đền Ngọc Long thôn 4 và thôn 5. Tổng diện tích 35 ha.

-Khu trang trại tổng hợp: Khu 1 diện tích 5 ha tại Đồi Ngọc Mu thôn 3; Khu 2 diện tích 5 ha tại vị trí Nách Can thôn 13; Khu 3 diện tích 10 ha tại vị trí Đồi Ngọc Ló và Đồi Xung Phong Thôn 4 và thôn 5.

- Khu nuôi trồng thủy sản tập trung: Vùng 1 diện tích 19 ha tại Đền Ngọc Long Thôn 4 và Thôn 5; Vùng 2 diện tích 1,5 ha tại Đền Cai Khôi Thôn 10 và Thôn 14; Vùng 3 diện tích 2,9 ha tại Đền Trần Cầu Cầu thôn 2.

Đối với các khu vực còn lại tập trung đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng hiệu quả cao vào sản xuất và thu hoạch các loại cây đang trồng.

5.2. Khu phát khu sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và du lịch

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, tại vị trí khu Rặng Mít thôn 7, diện tích 3,3 ha,

Quy hoạch xây dựng 4 khu thương mại dịch vụ tổng diện tích 7 ha tại vị trí: Đồi Chè thôn 10 (DVHH 01) diện tích 1ha; Đồng Khoai dưới thôn 11 (DVHH 02) diện tích 3,1 ha; Đồng Khoai trên thôn 11 (DVHH 03) diện tích 5 ha; Đồi các Cù thôn 4 (DVHH 04) diện tích 1,7 ha.

Quy hoạch khu sản xuất kinh doanh tổng diện tích 7 ha tại vị trí: Khu Đồi Chè thôn 10 (QH-SKC01) diện tích 25ha; Khu Rặng Mít thôn 7 (QH-SKC02, QH-SKC03, QH-SKC04) diện tích 25ha; Nách Can thôn 10 diện tích 0,2 ha.

V. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã khoảng: 1861,90ha, do đặc trưng của khu vực nghiên cứu, phân loại thành 03 nhóm đất chính:

- Nhóm đất xây dựng: Diện tích khoảng 588,69 ha, chiếm 33,36% diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất ở, đất công cộng, cây xanh, tôn giáo, tiểu thủ công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, du lịch và đất hạ tầng kỹ thuật, đất khai thác khoáng sản.

- Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích khoảng 1.0407 ha, chiếm 60,75% diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất trồng trọt, đất thủy sản.

- Nhóm đất khác: Diện tích khoảng 83,76 ha, chiếm 4,89%, bao gồm các loại sông ngòi, mặt nước, đất chưa sử dụng.

(Chi tiết theo phụ biểu kèm theo thuyết minh).

VI. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường Xuân Hoà - Quảng Phú: Theo QH vùng huyện đây là tuyến kết nối giữa QL 47C; ĐT.506B và ĐT.516B (Hướng tuyến theo QH vùng huyện đang cắt qua trụ sở UBND xã, các trường học, cùng với khu dân cư hiện trạng; do đó, cần cải dịch để đảm bảo tính khả thi. Đối với tuyến đường này cải dịch hướng tuyến theo tuyến đường hiện trạng thôn 8 đến nhà thờ Phúc Địa rồi theo hướng đường 518C). Đoạn qua địa bàn xã có chiều dài: 4,5km; quy mô mặt cắt ngang: bề nền 12m; rãnh dọc 2mx2; hành lang an toàn 13x2m; lộ giới = 42m.

- Đường Ngọc Lặc - TP Thanh Hoá: Đoạn qua xã Quảng Phú đi theo hướng tuyến của Qh vùng huyện Thọ Xuân để nối sang huyện Ngọc Lặc. Đoạn qua xã có chiều dài 4,2km; quy mô mặt cắt ngang: bề nền 12m; rãnh dọc 2mx2; hành lang an toàn 13x2m; lộ giới = 42m.

b. Hệ thống giao thông đối nội.

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Quy hoạch mới trục đường chính của xã (ĐX 07): Từ ĐT.518C (thôn 8) đến thôn 11; quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 7,5; lề 5mx2; lộ giới = 17,5m.

- Quy hoạch mới trục đường chính của xã (ĐX 08): Từ Đồi các Cù đi đồng Mọ, Đồng bai thôn 4 ra đê Cầu Chầy; quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 7,5; lề 5mx2; lộ giới = 17,5m.

- Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ 518C đến nhà văn hóa thôn 15 đạt quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 7,5; lề 2mx2; lộ giới = 11,5m.

- Các tuyến xã, trục thôn chính đảm bảo: quy mô mặt cắt ngang: mặt đường 5.5-7.5, lộ giới từ 9,5-11,5

- Các tuyến nội thôn, nội đồng, trục xóm, ngõ trong đó: quy mô mặt cắt ngang: mặt đường 3.5-5.5, lộ giới từ 5,5-7,5.

- Đường nội đồng: quy mô mặt cắt ngang: Mặt đường: 3,5m÷5m; Lộ giới: 5,0m÷7,0m.

2. Cấp điện

- Nguồn điện: Được cấp điện bởi Trạm 110KV Xuân Lai, thông qua tuyến trung thế 35KV đến các đường hạ thế chạy dọc các trục đường chính..

- Tổng nhu cầu phụ tải định mức máy biến áp đến 2030 là 1.618,1 KVA. Năm 2020 hệ thống điện toàn xã có 13 trạm biến áp tổng công suất là 2.780 KVA,

với công suất này đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030. Tuy nhiên để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sản xuất cũng như cầu sử dụng trong kỳ quy hoạch cần nâng cấp công suất 2 trạm biến áp hiện tại và lắp mới 2 trạm biến áp. Như vậy đến năm 2030 tổng công suất các trạm biến áp trên địa bàn xã là 3.220KVA

- Hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển bằng tủ điện chiếu sáng trọn bộ, tủ điều khiển này được lập trình điều khiển đóng cắt hệ thống đèn theo thời gian định trước.

3. Hạ tầng viễn thông thụ động

Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương).

Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: đầu nối với ống cấp nước từ nhà máy nước Nhà máy nước Lam Sơn – Sao Vàng.

.- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước cho tất cả các hộ dân được sử dụng từ nhà máy nước sạch trong sinh hoạt.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, với tiết diện đường ống chính D32-D225. Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

5. Thoát nước mưa và thoát nước thải

a) Thoát nước mặt

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở; Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới ;

- Không chế cao độ san nền với khu vực trung tâm xã, các khu vực quy hoạch mới như đất TMDV, TTCN... ;

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế chạy dọc theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ ra kênh, mương sông suối hoặc đồng ruộng sau khi được giảm áp qua các trạm xử lý thô.

- Công thoát nước lựa chọn công tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính: Tiết diện công chính: D1000; Tiết diện công phụ: D600, D800

- Bố trí 04 cửa xả ra tại các điểm xử lý nước sơ bộ trước khi thoát ra kênh mương, ao hồ hiện hữu tại các đoạn có cao trình thấp.

b) Thoát nước thải

- Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên;

- Nước thải từ cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Giai đoạn đến năm 2030: Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý.

- Hệ thống thoát nước thải được định hướng thiết kế chạy dọc theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ về khu vực sơ lắng tự nhiên (Khu vực dự trữ xây trạm xử lý nước thải sau kì quy hoạch tại thôn 13 diện tích 0,5ha) trước khi đổ ra hệ thống sông suối, ao hồ.

- Công thoát nước thải lựa chọn công tròn BTCT, tiết diện công D300.

6. Quản lý chất thải rắn và quy hoạch nghĩa trang

6.1. Chất thải rắn.

- Bố trí 01 bãi tập kết rác thải tại thôn 15 với quy mô 0.1ha.. Đảm bảo 100% các hộ đều tham gia thu gom rác thải đến khu tập trung của xã. CTR sau khi được tập trung sẽ được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Xuân Lai theo định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

- Người dân tự phân loại rác thải đựng vào các túi khác nhau để thuận lợi cho việc thu gom và phân loại rác.

- Xe thu gom rác có nắp đậy và kín đảm bảo không gây ô nhiễm.

6.2. Quy hoạch nghĩa trang.

+ Đối với hệ thống nghĩa trang hiện tại: Có giải pháp từng bước hạn chế mở rộng và tiến tới khoanh vùng, đóng cửa hoặc di dời (nếu cần thiết).

+ Giai đoạn sau khi quy hoạch: Đóng cửa các nghĩa trang hiện có, tập trung chôn cất tại nghĩa trang nhân dân theo định hướng quy hoạch vùng.

+ Khu vực các nghĩa trang hiện nay, sau khi đóng cửa, tổ chức xây tường rào, trồng cây xanh bảo vệ cảnh quan khu vực.

VII. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

1. Giai đoạn 2022-2025.

Đầu tư các công trình mang tính tạo lực phát triển bao gồm:

- Xây dựng một phần các khu ở mới theo định hướng quy hoạch giai đoạn 2022-2025, đáp ứng cho người dân khu vực và tạo nguồn thu ngân sách.

- Đầu tư phát triển khu vực cụm công nghiệp và thương mại dịch vụ;

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường;

- Xây dựng trụ sở Công an xã.

- Từng bước cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

2. Giai đoạn 2026-2030.

Đầu tư các khu ở còn lại, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội.

- Xây dựng các khu công viên thể thao và các công trình cảnh quan;

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng từng thôn xóm, cứng hóa toàn bộ giao thông, kiên cố các công trình thủy lợi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao UBND xã Quảng Phú có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung phê duyệt, đóng dấu cơ quan thẩm định, cơ quan phê duyệt và cơ quan thỏa thuận, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho UBND huyện Thọ Xuân để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai tại công sở UBND xã, nhà văn hóa thôn và trên cổng thông tin điện tử của xã đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa, quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm: Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện theo Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn UBND xã Quảng Phú thực hiện những nội dung liên quan; đồng thời, chủ động thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện có trách nhiệm đăng tải đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 lên cổng thông tin điện tử của huyện Thọ Xuân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện; Chủ tịch UBND xã Quảng Phú; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Đình Sĩ